

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Khuyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Khuyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Khuyên

Mã SV: 1112401162

Lớp: QT1503K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Hải Long.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	1
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Kết cấu của khóa luận	2
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.	3
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	5
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. ..	5
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	5
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	8
1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	10
1.5.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.	14
1.5.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	17
1.5.6 Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	18
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	19
1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.	22
1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp. 25	
1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG.....	29
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.....	29
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.....	29
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	30
2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.....	30
2.1.4. Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	31
2.1.5. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	31
2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	31
2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	32
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	34

2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	34
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	42
2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	49
2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	58
2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	58
2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	62
2.2.3 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	64
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG	73
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	73
3.1.1. Ưu điểm	73
3.1.2. Hạn chế.....	74
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ...	75
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	75
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	76
3.4.1. Kiến nghị 1: Hoàn thiện sổ sách kế toán.....	76
3.4.2 Kiến nghị 2: Về quy trình luân chuyển chứng từ.....	80
3.4.3 Kiến nghị 3: Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.	81
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán.	83
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	87
3.5.1. Về phía Nhà nước	87
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	87
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây:	30
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000120	35
Biểu 2.3: Giấy báo có số 27.....	36
Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 0000125	37
Biểu 2.5: Giấy báo có số 30.....	38
Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT số 0000127	39
Biểu 2.7: Sổ nhật ký chung.....	40
Biểu 2.8: Sổ cái TK 511	41
Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 20.....	43
Biểu 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa)	44
Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 27	45
Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 35	46
Biểu 2.13: Nhật ký chung	47
Biểu 2.14: Sổ cái TK 632	48
Biểu 2.15: Hoá đơn GTGT số 2147097	50
Biểu 2.16: Phiếu chi số 14.....	51
Biểu 2.17: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội	52
Biểu 2.18: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định	54
Biểu 2.19: Sổ nhật ký chung.....	55
Biểu 2.20: Sổ cái TK 641	56
Biểu 2.21: Sổ cái TK 642	57
Biểu 2.22: Giấy báo có số 50.....	59
Biểu 2.23: Nhật ký chung.....	60
Biểu 2.24: Sổ cái TK 515	61
Biểu số 2.25: Giấy báo nợ số 30.....	62
Biểu 2.26: Sổ nhật ký chung.....	63
Biểu 2.27: Sổ cái TK 635	64
Biểu 2.28: Phiếu kế toán số 40	65
Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 41	66
Biểu 2.30: Sổ nhật ký chung.....	67
Biểu 2.31: Sổ cái TK 911	68
Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 42	69
Biểu 2.33: Sổ cái TK 421	70
Biểu 2.34: Bảng cân đối số phát sinh	71
Biểu 2.35: Báo cáo kết quả kinh doanh.....	72
Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng	77
Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng.....	78
Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	79
Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	80
Biểu số 3.5: Phiếu giao nhận chứng từ.....	81
Biểu 3.6: Bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức trực tiếp.....	7
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng thông qua đại lý	8
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp).	8
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	10
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kì	14
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng.	16
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	16
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành	18
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại.	18
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	19
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	21
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính	22
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác	23
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác	24
Sơ đồ 1.16: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	25
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung.	26
Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	26
Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ	27
Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Chứng từ – ghi sổ.....	27
Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán máy. ...	28
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong doanh nghiệp.	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.....	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.	34

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên ký hiệu
1	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
2	BP	Bộ phận
3	BH	Bán hàng
4	BTC	Bộ Tài chính
5	CP	Chi phí
6	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
7	SH	Số hiệu
8	NT	Ngày tháng
9	GTGT	Giá trị gia tăng
10	PP	Phương pháp
11	KH	Khấu hao
12	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
13	TSCĐ	Tài sản cố định
14	TK	Tài khoản
15	K/c	Kết chuyển
16	TM&DV	Thương mại và dịch vụ
17	HĐ	Hóa đơn
18	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
19	NH	Ngân hàng
20	SHTK	Số hiệu tài khoản
21	MTV	Một thành viên

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay đối với tất cả các doanh nghiệp thì việc tối đa hóa lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu. Để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Vì vậy hạch toán kế toán là công cụ quản lý sắc bén không thể thiếu được trong quản lý của doanh nghiệp trên phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân. Đây là một công việc đòi hỏi cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn nhất định. Hơn thế nữa còn phải nâng cao nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế tài chính trong nền kinh tế thị trường.

Trong hoạt động kinh doanh ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là một bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chính vì vậy mà trong suốt thời gian hoạt động Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để tồn tại và phát triển. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh nói riêng ngày càng được coi trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề cùng với sự mong muốn được tìm hiểu cách tổ chức cũng như các phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí thực tế ở doanh nghiệp nên em quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Làm rõ những nhận thức chung nhất về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

– **Bán hàng:** là giai đoạn cuối cùng của quá trình tiêu thụ sản phẩm, nó là quá trình chuyển đổi từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ và kết thúc. Qua bán hàng phản ánh được năng lực kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có cơ sở để tính kết quả kinh doanh.

– **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

– **Doanh thu thuần:** Là chênh lệch giữa tổng doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, các loại thuế không được hoàn lại.

- **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Nghĩa là khi được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

– **Kết quả kinh doanh:** là việc xác định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

• **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:** Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 - Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu);
- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa cả về số lượng, chất lượng, chủng loại.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.
- Theo dõi các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... đồng thời kiểm soát việc thu hồi công nợ của khách hàng.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.
- Lựa chọn đúng phương pháp tính giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Đưa ra các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

• Các phương thức bán hàng:

Căn cứ vào thời điểm và phương thức thanh toán tiền của người mua mà người ta có thể chia ra thành các phương thức bán hàng như sau:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.
- Phương thức bán hàng qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” : là
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - + TK 5118: Doanh thu khác

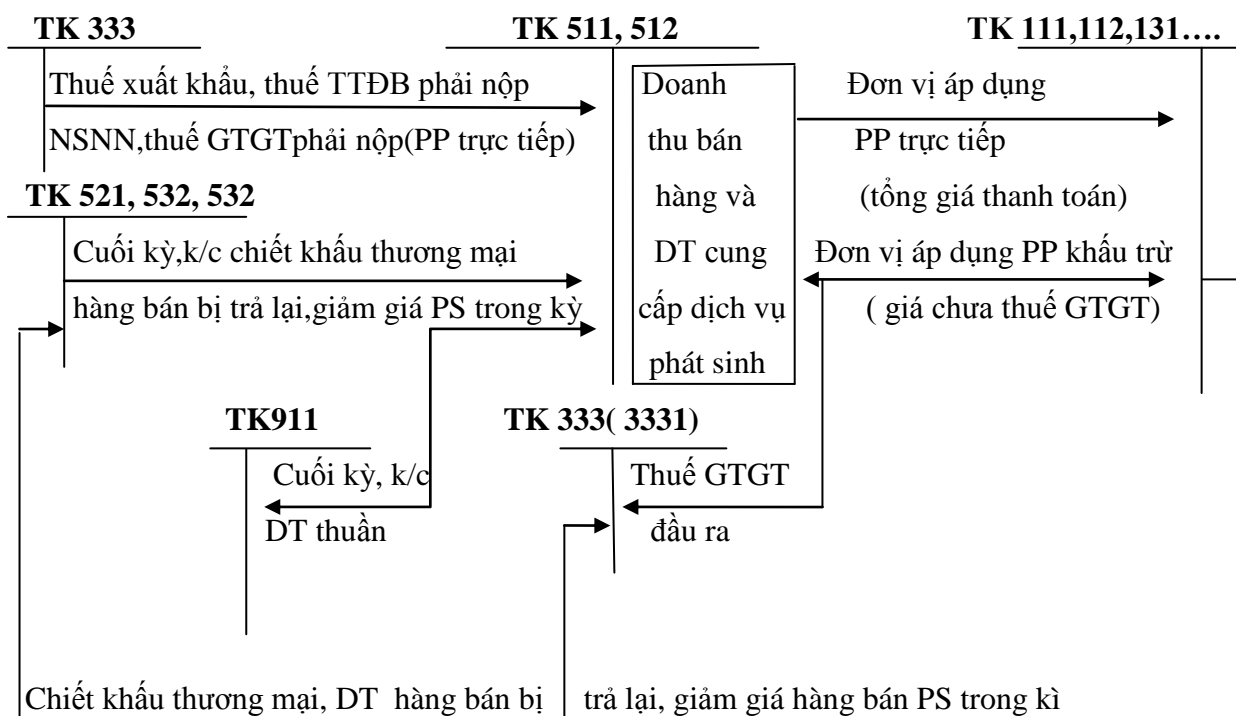
Kết cấu TK 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> ➢ TK 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”: là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty. + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa + TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ 	

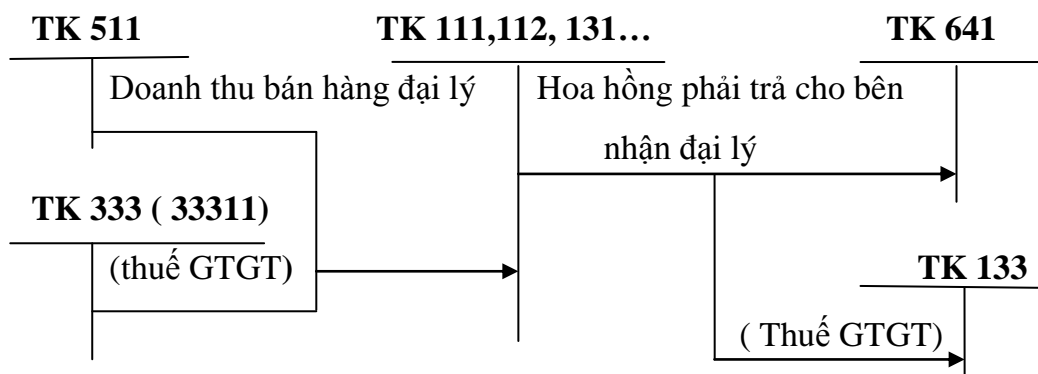
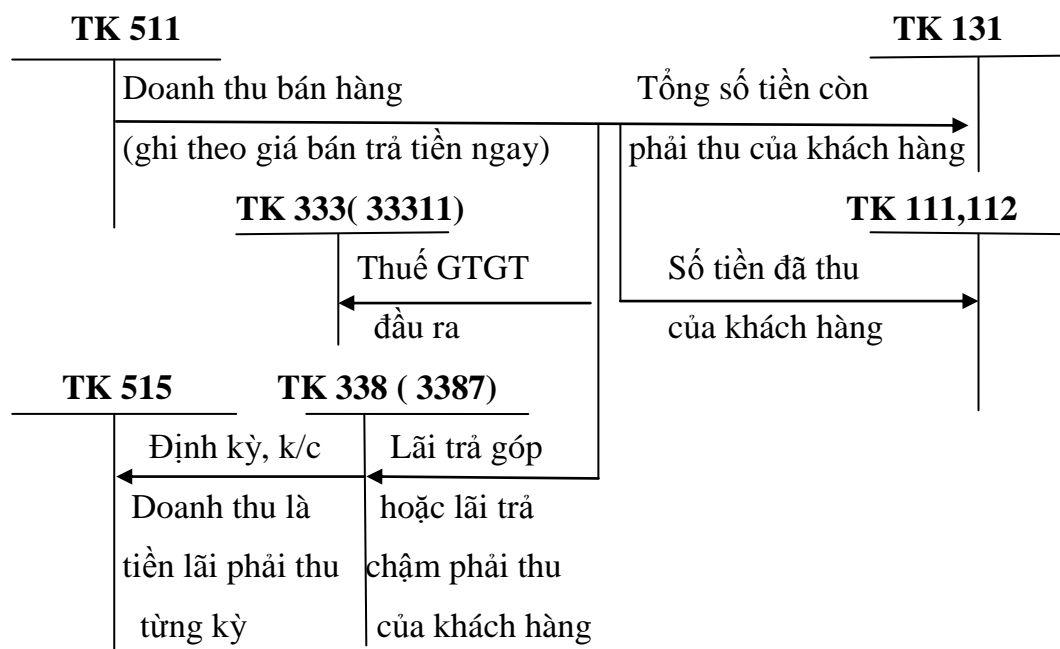
Kết cấu TK 512

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ kết chuyển cuối kì kế toán. - Số thuế tiêu thụ phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ. - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ. - Kết chuyển doanh thu tiêu thụ nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<p>Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	

• **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức trực tiếp

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng thông qua đại lý**(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)****Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp).****1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.***** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”: Tài khoản này dùng để phản ánh tài khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2: - TK 5211- Chiết khấu hàng hóa
 - TK 5212- Chiết khấu thành phẩm
 - TK 5213- Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu tài khoản 521:

Nợ	TK 521	Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại sang tài khoản 511“Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần cho kỳ hạch toán.

- Tài khoản 531“Hàng bán bị trả lại”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Do vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

Kết cấu tài khoản 531:

Nợ	TK 531	Có
Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra, dịch vụ đã tiêu thụ.		Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511“Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512“Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần cho kỳ hạch toán.

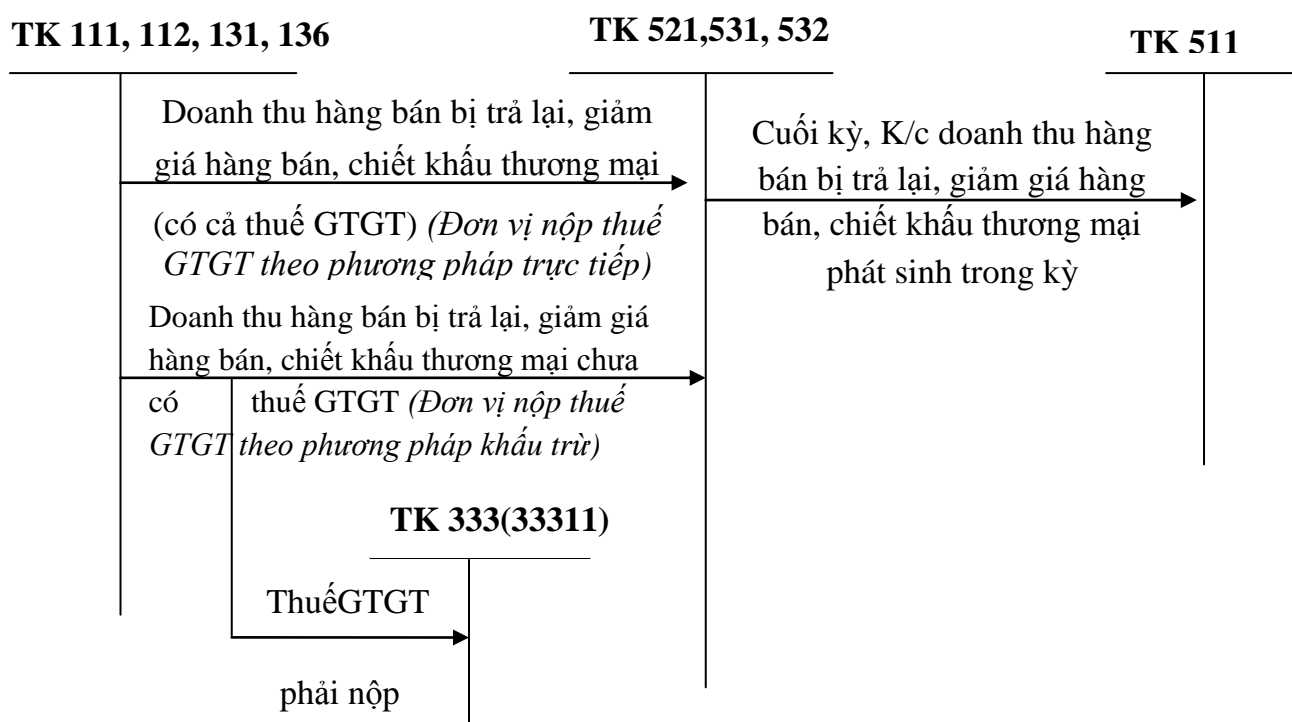
- Tài khoản 532: “Giảm giá hàng bán”: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Kết cấu tài khoản 532:

Nợ	TK 532	Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.		Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511“Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512“Doanh thu bán hàng nội bộ”.

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



* Các khoản thuế làm giảm doanh thu:

- + Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

- **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } I}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

▪ **Tài khoản sử dụng:** TK 632 – “Giá vốn hàng bán”

+ Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của hàng hóa trên từng khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Kết cấu TK 632

- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	*	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản lập dự phòng năm trước). - Phản ánh giá trị của thành phẩm, hàng hóa bán ra bị khách hàng trả lại. - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. <p>a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:</p>		

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. - Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	✕	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ. - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản lập dự phòng năm trước). - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì sang TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”

b) Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ. - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. - Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	✕	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155 “Thành phẩm”. - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản lập dự phòng năm trước). - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kì vào bên nợ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”

- **Phương pháp hạch toán**

• **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thu phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng:**

- ❖ TK 641 – “Chi phí bán hàng”
 - +TK 6411 – “Chi phí nhân viên”
 - +TK 6412 – “Chi phí vật liệu, bao bì”
 - +TK 6413 – “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
 - +TK 6414 – “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
 - +TK 6425 – “Chi phí bảo hành”
 - + TK 6427 – “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
 - +TK 6428 – “Chi phí bằng tiền khác”

Kết cấu TK 641:

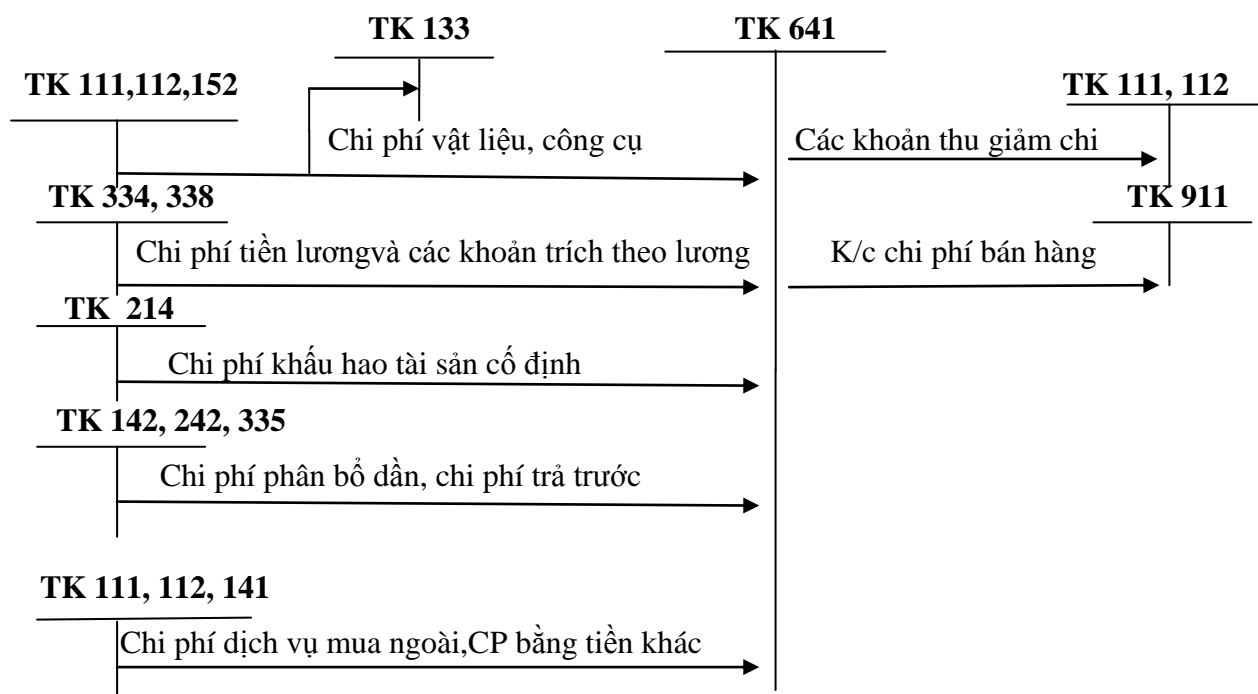
Nợ	TK 641	Có
Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.		Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911– “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả hoạt động kinh doanh trong kì.

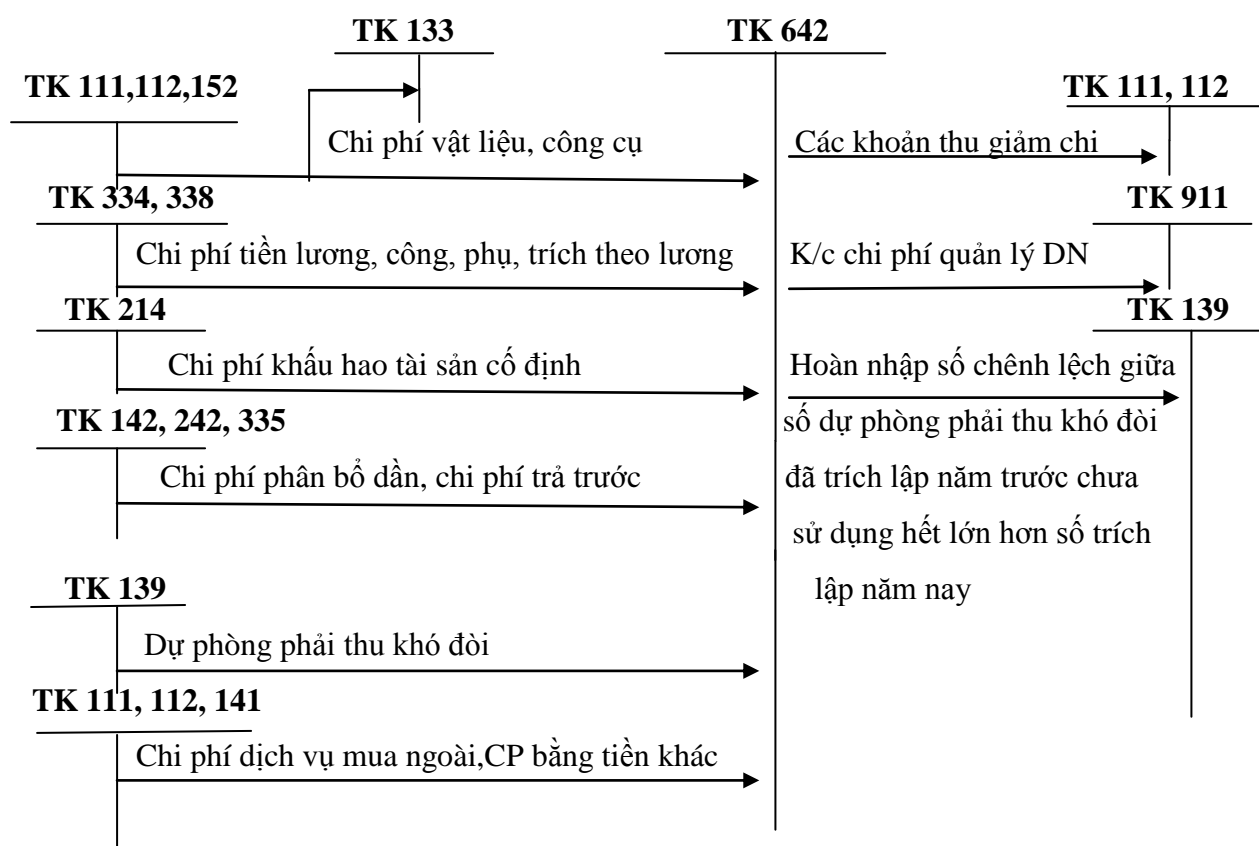
- ❖ TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”
 - + TK 6421 – “Chi phí nhân viên”
 - + TK 6422 – “Chi phí vật liệu quản lý”
 - +TK 6423 – “Chi phí đồ dùng văn phòng”
 - +TK 6424 – “Chi phí khấu hao tài sản cố định”
 - +TK 6425 – “Thuế, phí và lệ phí”
 - +TK 6426 – “Chi phí dự phòng”
 - + TK 6427 – “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
 - +TK 6428 – “Chi phí bằng tiền khác”

Kết cấu TK 642:

Nợ	TK 642	Có
Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả hoạt động kinh doanh trong kì hoặc TK 142 “Chi phí trả trước” 	

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng.**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**



1.5.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ khác có liên quan,...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

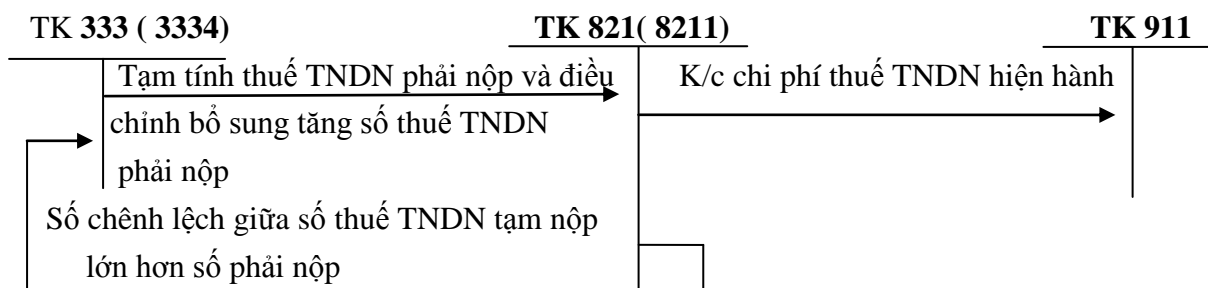
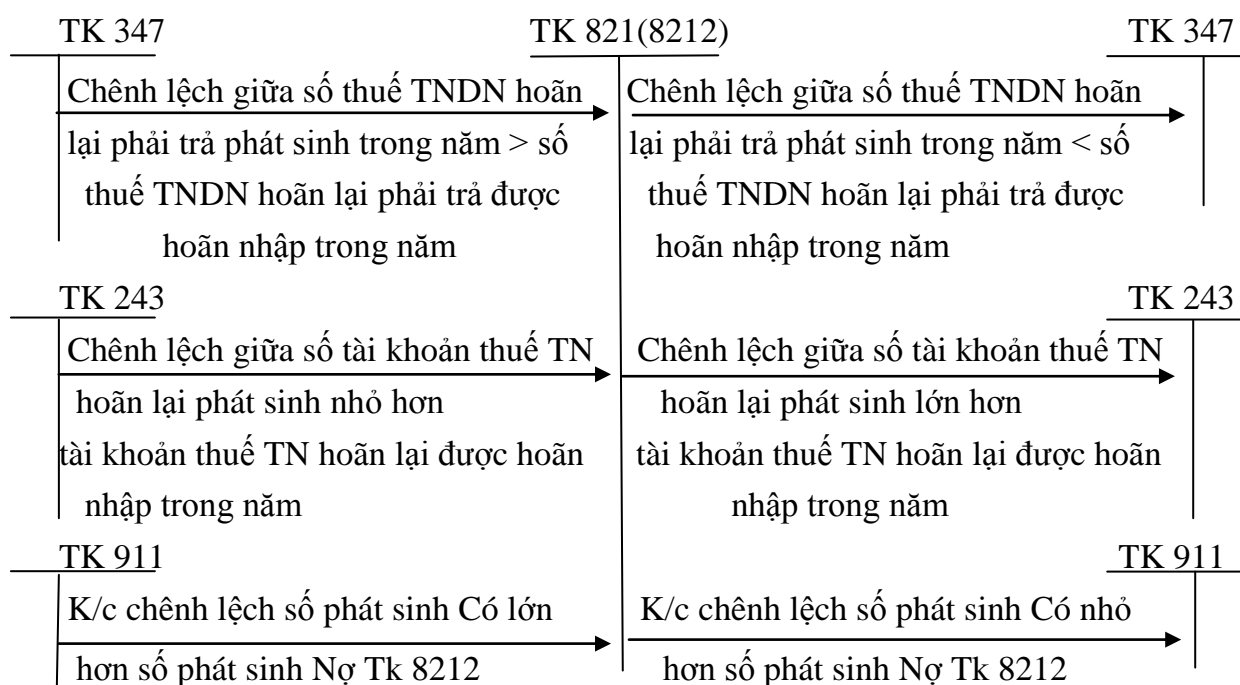
- TK 8211-“Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212-“Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

Nợ	TK 821	Có
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ.		- Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp và chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
Chi phí thuế TNDN ghi tăng thêm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.		- Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

*** Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành****Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại.****1.5.6 Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.***** Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

Các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí

*** Tài khoản sử dụng:**

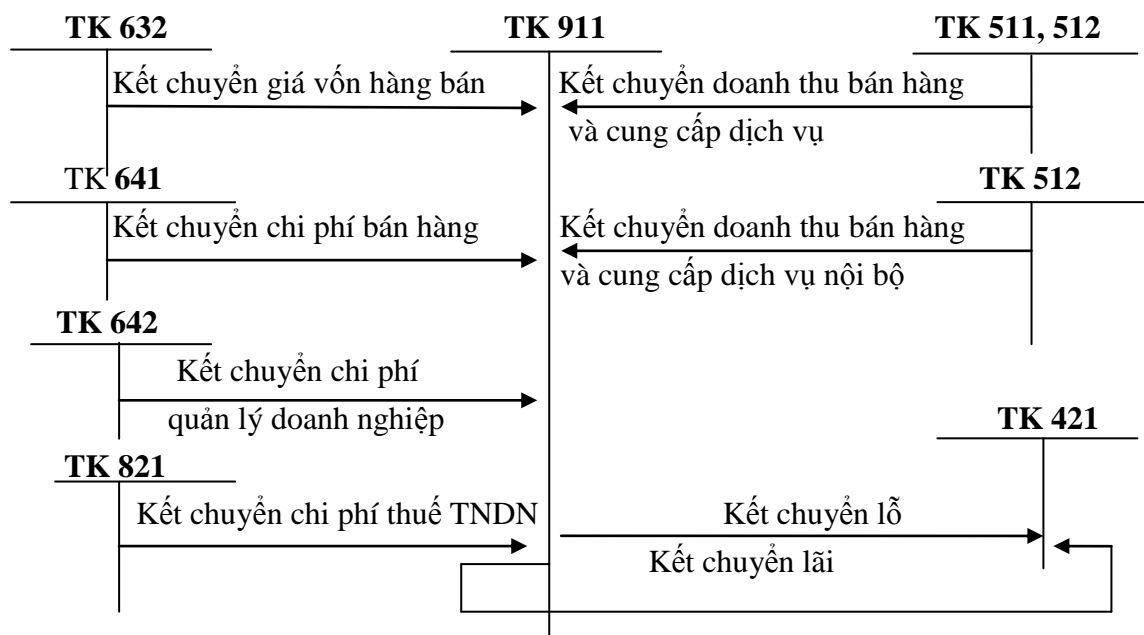
TK 911-“xác định kết quả kinh doanh”

TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.		Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		- Doanh thu hoạt động tài chính
- Chi phí tài chính		- Thu nhập khác
- Chi phí khác		- Lỗ về các hoạt động trong kỳ
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ		

* **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ..
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu, thương hiệu, phần mềm vi tính,...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái.

- Thu nhập từ đầu tư mua bán những khoản ngắn hạn, dài hạn, Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác..

*** Chứng từ sử dụng**

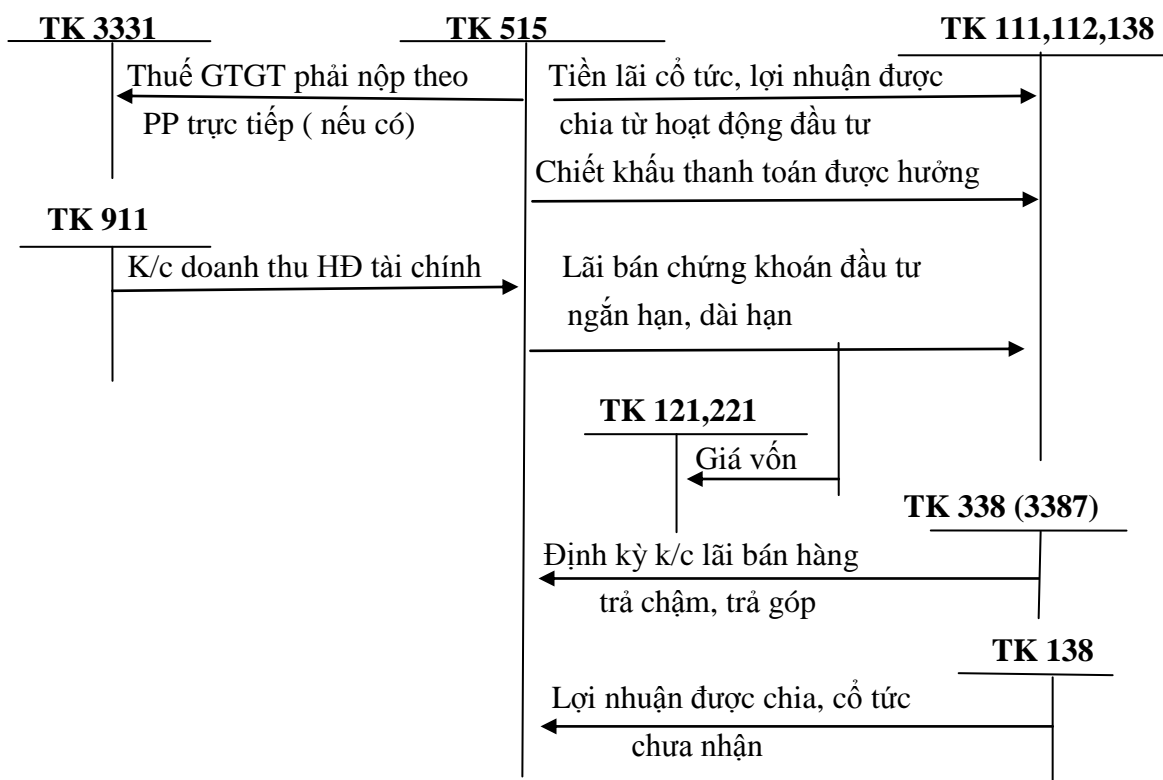
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Giấy báo chia lãi cổ tức
- Bản sao kê của ngân hàng và các chứng từ khác liên quan

*** Tài khoản sử dụng TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<p style="font-size: 2em;">X</p>	<p>Ghi nhận doanh thu tài chính phát sinh trong kì như: tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán được hưởng, lãi tỷ giá hối đoái,...</p>

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



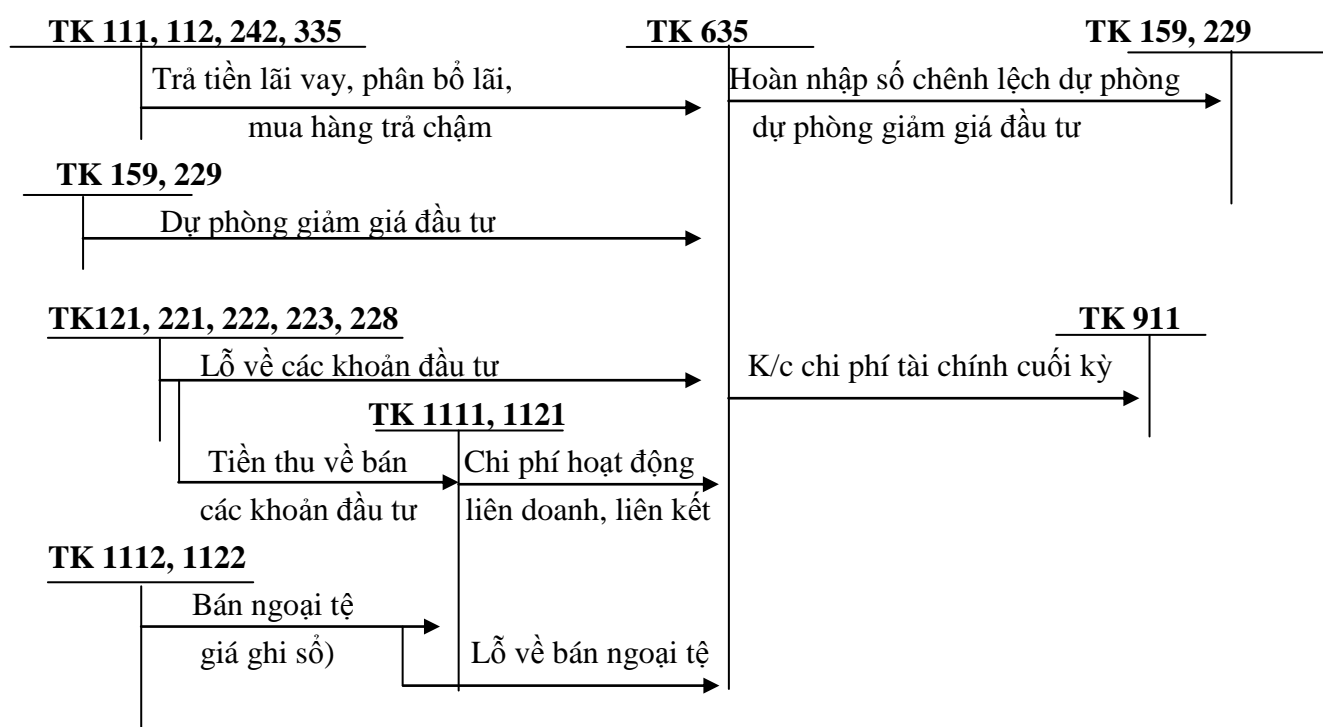
Chi phí hoạt động tài chính: gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng: TK 635 – “Chi phí tài chính”

* Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính**1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác.**

- ❖ **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ,...

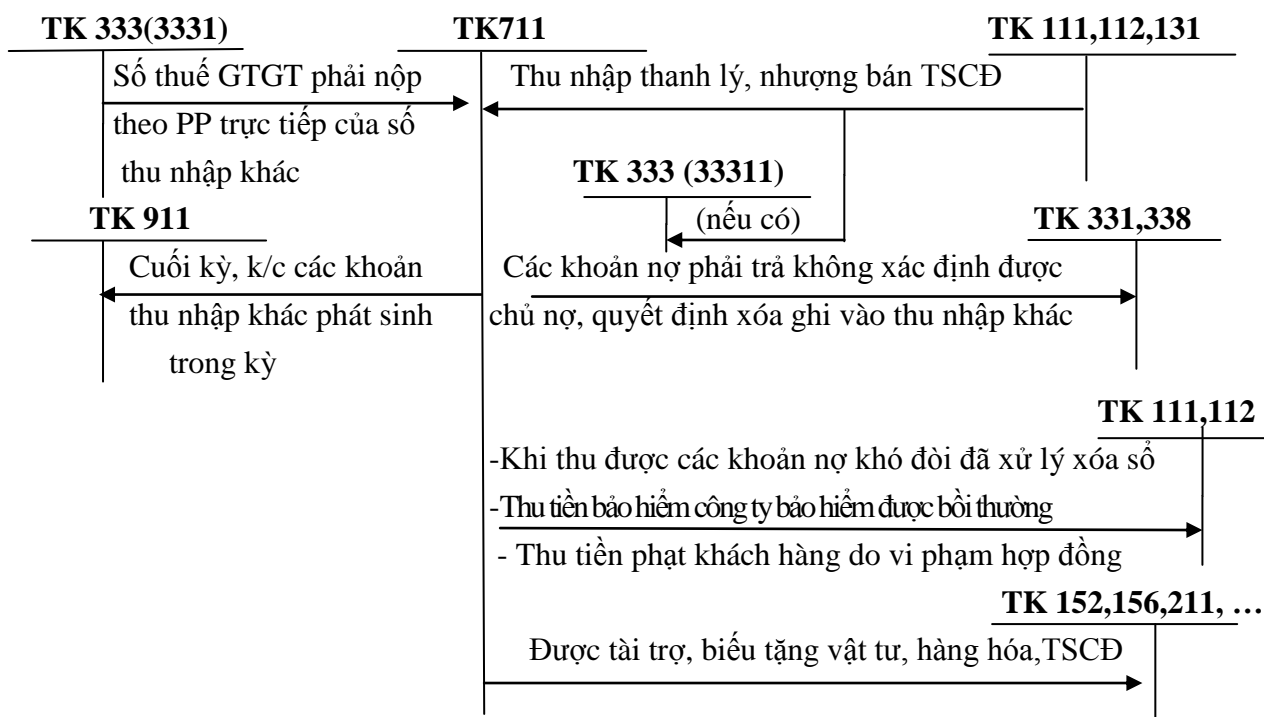
- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

- **Tài khoản sử dụng:** TK 711 – “Thu nhập khác”

- **Phương pháp hạch toán:**

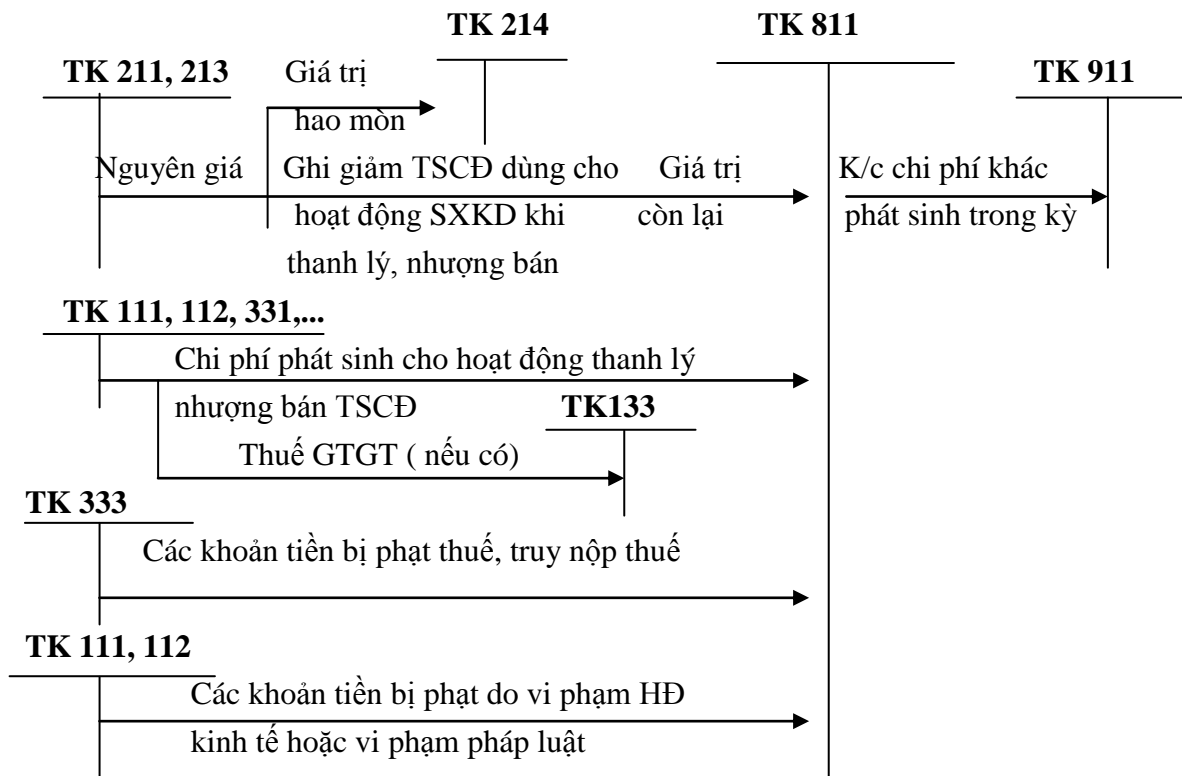
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác



❖ **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót.

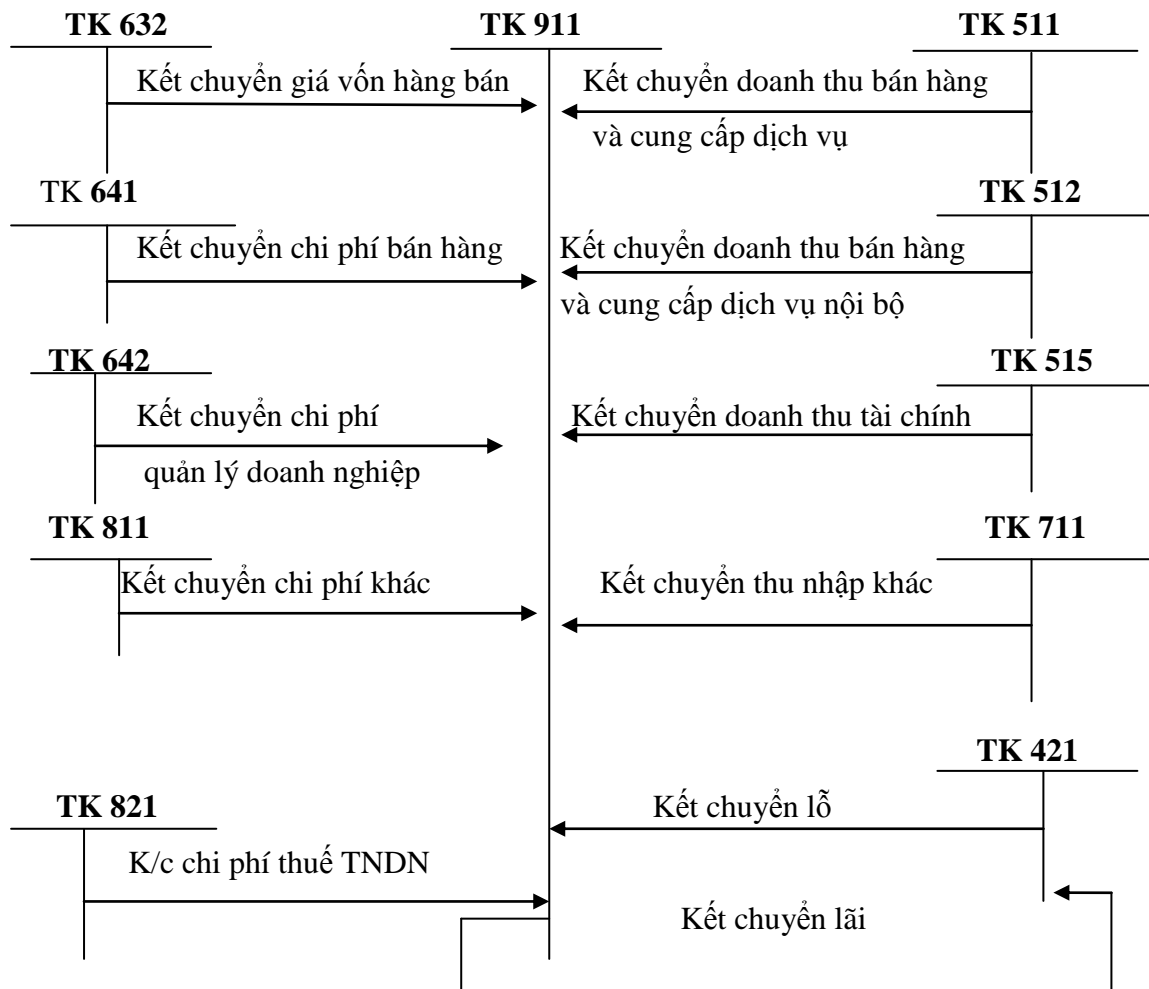
- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu chi
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác



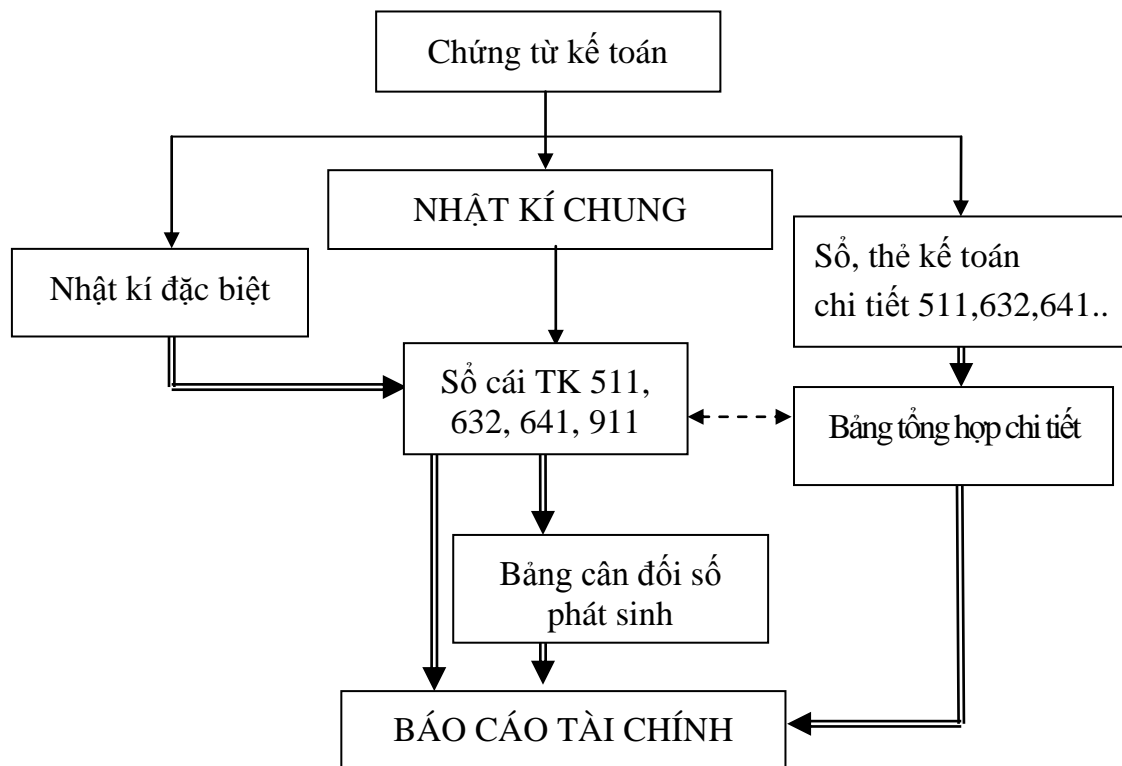
1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.16: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.



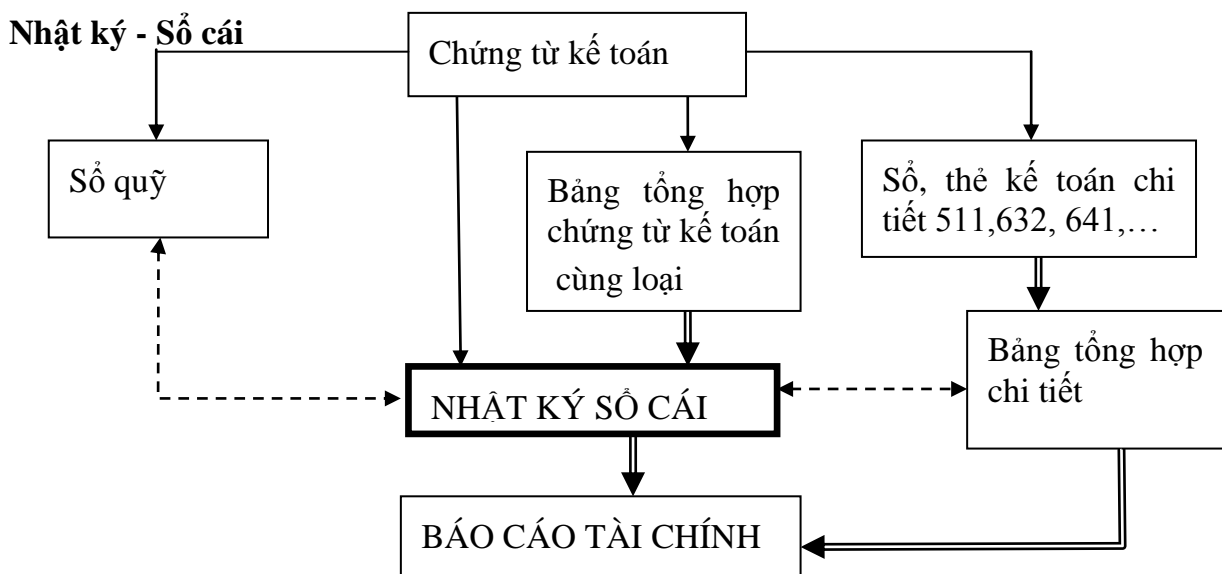
1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



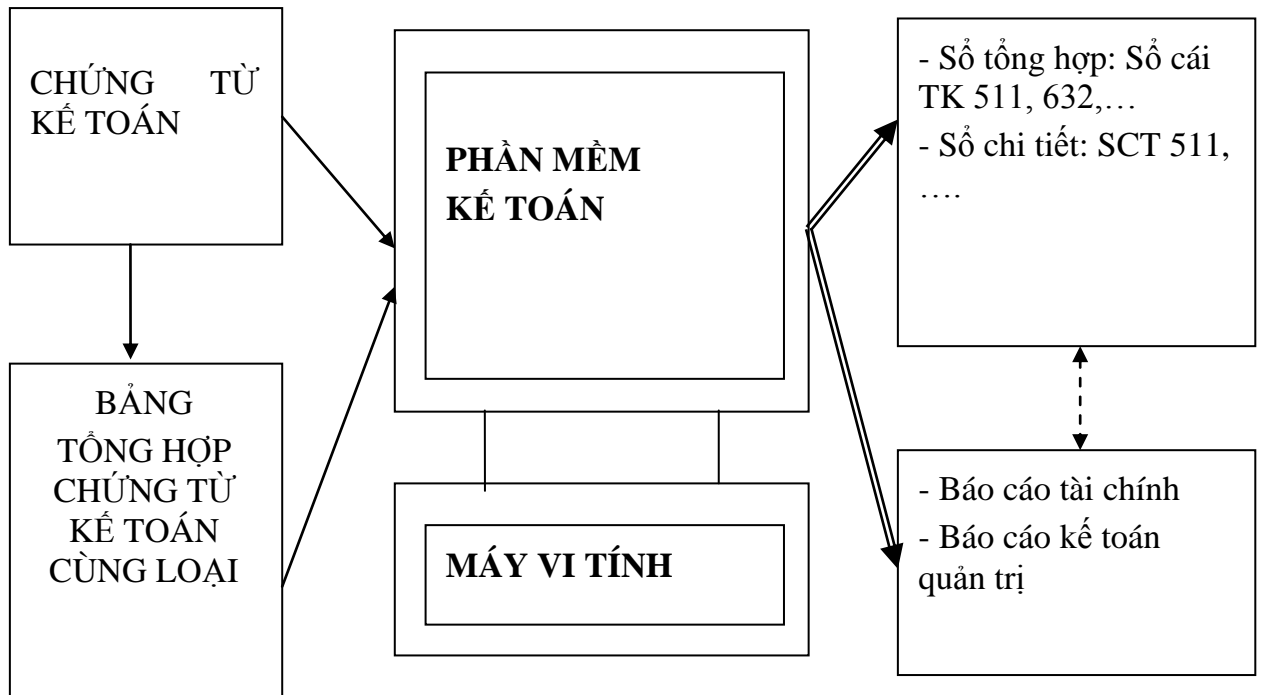
Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi định kỳ
 <- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức kế toán máy.



Ghi chú :

- Nhập dữ liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long được thành lập với tên đầu tiên là công ty TNHH HAS được thành lập ngày 24 tháng 3 năm 2005 theo quyết định số 0202002544 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Sau 2 lần điều chỉnh đến ngày 19 tháng 03 năm 2009 công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long chính thức thành lập. Là một công ty mới thành lập, công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây các hoạt động kinh doanh của công ty tương đối khả quan. Công ty đã có nhiều nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện.

- ❖ Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long.
- ❖ Loại hình: Công ty TNHH.
- ❖ Trụ sở: Số 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.
- ❖ Điện thoại: 031.3730819.
- ❖ Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.
- ❖ Mã số thuế: 0020615868.
- ❖ Tài khoản ngân hàng: -Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng.
- ❖ Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Thế Tảng.
- ❖ Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, máy công trình.
- ❖ Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012-2013-2014 được thể hiện qua bảng sau:

Biểu 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	Mã số	2012	2013	2014
1. Tổng doanh thu	01	6.750.000.001	12.260.909.092	19.752.436.877
2. Tổng doanh thu thuần	11	6.750.000.001	12.260.909.092	19.752.436.877
3. Tổng giá vốn hàng bán	12	7.237.093.223	12.077.651.956	17.485.476.521
4. Tổng lợi nhuận gộp	20	(487.093.222)	(183.257.136)	2.266.960.356
5. Thu nhập bình quân 1 lao động/ tháng		4.084.750	4.207.560	4.598.480
6. Vốn kinh doanh bình quân=(VKD đầu năm+VKD cuối năm)/2		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

(Nguồn phòng kế toán công ty TNHH TM& DV Hải Long)

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

- Đặc điểm sản phẩm của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long :

- + Máy xúc đào bánh xích.
- + Màu vàng cam.
- + Loại: Bánh xích
- + Công suất định mức (kw): 119.3
- + Gầu : 1 chiếc
- + Dung tích gầu (m³): 0.8
- + Chiều dài tay gầu (mm): 0
- + Khả năng đào cao (mm): 9070
- + Khả năng đào sâu (mm): 5880
- + Kích thước tổng thể (mm): 9780
- + Tầm vươn xa nhất (mm): 9090
- + Xuất xứ: Nhật Bản

2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

- Đặc điểm doanh thu:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: chủ yếu từ bán máy xúc đào bánh xích.
- + Doanh thu hoạt động tài chính: lãi tiền gửi.

- Đặc điểm chi phí:

- + Chi phí bán hàng là: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành máy xúc, chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí lương của nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuế phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí tài chính gồm: chủ yếu là chi phí lãi tiền vay.

2.1.4. Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

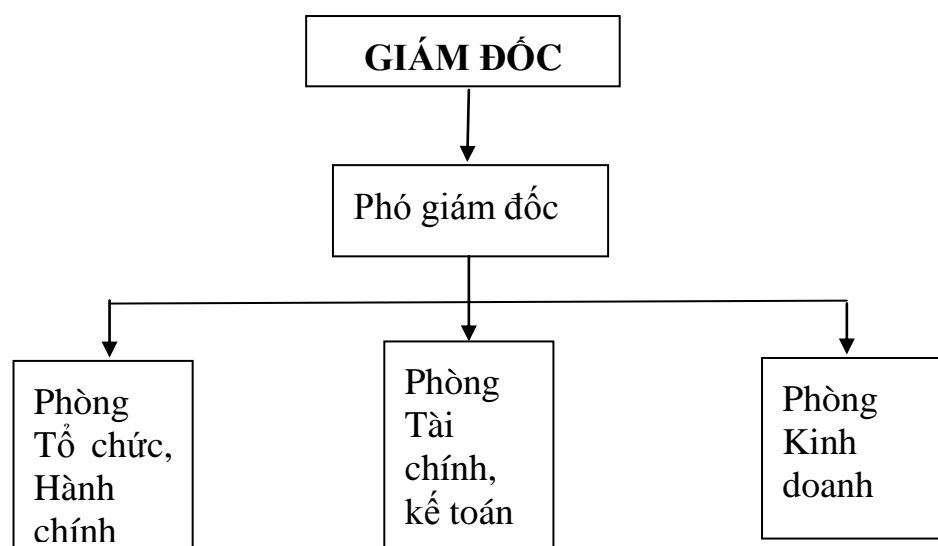
- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí: Chung cho cả 3 hoạt động (bán hàng, tài chính và hoạt động khác)

2.1.5. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là theo năm. Tuy nhiên để phục vụ công tác quản lý, hàng quý công ty tiến hành xác định kết quả kinh doanh để tạm xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Là một doanh nghiệp tư nhân nên tổ chức bộ máy quản lý và điều hành kinh doanh theo quy mô trực tuyến - chức năng, các phòng ban chuyên trách được bố trí hợp lý, logic khoa học tạo điều kiện cho công ty quản lý chặt chẽ các mặt kinh tế kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường, đem lại hiệu quả cao.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong doanh nghiệp.

(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành Chính của công ty)

Đây là mô hình tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng: Đứng đầu công ty là giám đốc, phó giám đốc, các phòng ban chức năng. Mỗi phòng ban khác nhau lại đảm nhận những chức năng nhiệm vụ khác nhau.

Chức năng các phòng ban trong cơ cấu tổ chức của công ty.

- Giám đốc: Giám đốc là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty. Là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phó giám đốc: là người giúp Giám đốc điều hành công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.

- Các phòng ban nghiệp vụ: Các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của giám đốc. Công ty hiện có 3 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

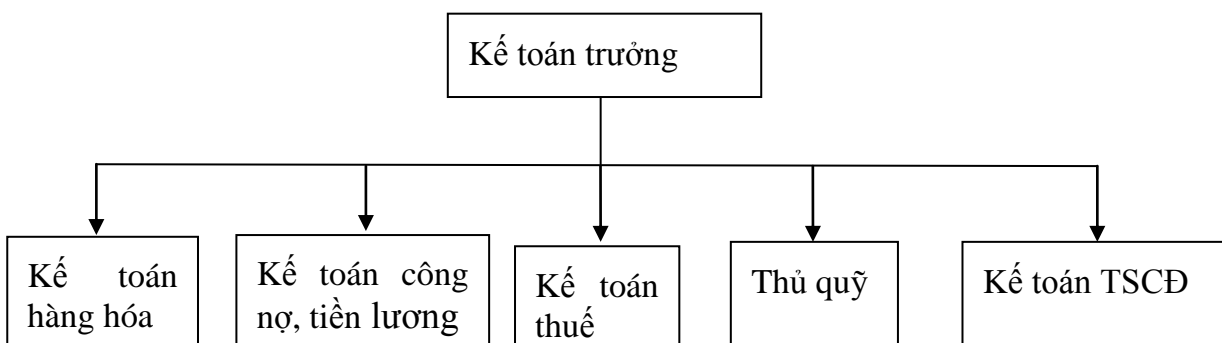
+ Phòng Tài chính - Kế toán: Phòng tài chính - kế toán có nhiệm vụ giải quyết những mối quan hệ tài chính hình thành trong quá trình tuần hoàn luân chuyển vốn trong sản xuất và kinh doanh; tổ chức hạch toán các nghiệp vụ mua bán, thanh toán công nợ, thanh toán với ngân hàng nhà nước, phân phối lợi nhuận; quản lý vốn, tài sản, hàng hóa, chi phí bằng cách theo dõi, phản ánh chính xác sự biến động cũng như các đối tượng đó. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo dõi đúng quy định.

+ Phòng tổ chức Hành chính: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự thực hiện công tác quản trị.

+ Phòng kinh doanh: có chức năng tìm khách hàng, tư vấn cho khách hàng....

2.1.7. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

a) Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

(Nguồn: Phòng Tổ chức Hành Chính của công ty)

- Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý nhập và xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu với sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt, tiền gửi trong ngày. Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng.

- Kế toán công nợ: Có nhiệm vụ theo dõi công nợ theo từng đối tượng khách hàng (mua, bán, tạm ứng), theo dõi công nợ theo hợp đồng, hạn thanh toán, các khoản phải thu phải trả khác kiêm kế toán tiền lương.

- Kế toán hàng hóa: Có nhiệm vụ theo dõi hàng hóa khi phát sinh nghiệp vụ mua bán: thực hiện việc nhập – xuất kho máy đào, máy xúc...; Ghi phiếu xuất – nhập kho cho từng chi tiết theo phiếu yêu cầu; Lập bảng nhập – xuất – tồn kho; Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

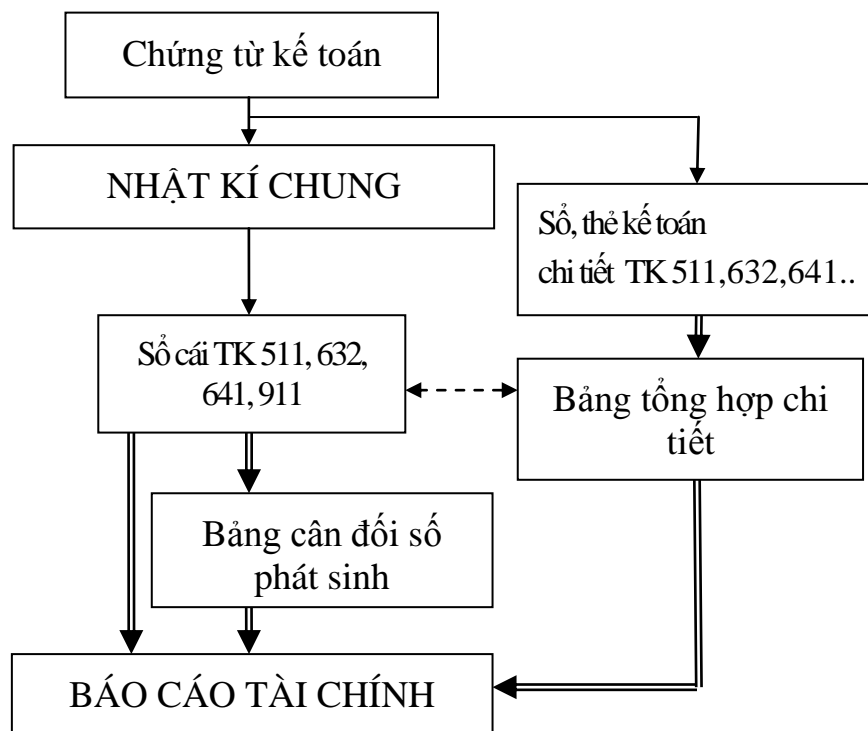
- Kế toán thuế: Trực tiếp làm việc cơ quan thuế khi có phát sinh, kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở, kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu, hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn doanh nghiệp, phân loại theo thuế suất, hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn doanh nghiệp theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ, theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của doanh nghiệp...

- Kế toán TSCĐ: Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển tài sản cố định, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng tài sản cố định, kế toán tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản cố định và chế độ quy định.

b) Chính sách kế toán chủ yếu áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hải Long:

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam .
- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.
- Doanh nghiệp tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá vốn xuất kho theo phương pháp đích danh.

- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Hình thức kế toán : nhật ký chung.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ thanh toán: Giấy báo có, phiếu thu
- Chứng từ khác liên quan: Phiếu kế toán, phiếu tính chiết khấu,...

*** Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Hiện nay công ty không hạch toán theo tài khoản cấp 2.

*** Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511

*** Nội dung hạch toán**

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-7 cho Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách (theo HĐGTGT số 0000120 như biểu 2.2) với giá bán đã có VAT là 520.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000120

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: nội bộ

Kí hiệu: AA/14P

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Số 0000120

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TM& DV Hải Long.

Mã số thuế: 0200615868

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Số tài khoản: 162146389

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : Công Ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách.

Địa chỉ: Thương Dương – Nam Trung – Nam Sách – Hải Dương.

Số tài khoản: 0341006917294

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-7	Chiếc	1	472.727.273	472.727.273
Cộng tiền hàng:					472.727.273
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 47.272.727	
Tổng cộng tiền thanh toán:					520.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi triệu đồng					

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Biểu 2.3: Giấy báo có số 27

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: HUONGVLLHAN
Chi nhánh: ACB-PGD Hải Phòng	Ngày: 02/12/2014	Mã KH: 35042
		Số: 27
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hải Long.		
Mã số thuế: 0200615868		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 162146389		
Số tiền bằng số: 520.000.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Năm trăm hai mươi triệu đồng</i>		
Nội dung: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách thanh toán tiền mua máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-7.		
Giao dịch viên	Kiểm soát	

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào HĐGTGT số 0000120 như biểu 2.2, giấy báo có số 27 như biểu 2.3, kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 520.000.000

Có TK 511: 472.727.273

Có TK 3331: 47.272.727

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-5 cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát (HĐGTGT như biểu 2.4), giá bán đã có VAT là 350.000.000 đồng. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 0000125**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số:** 01GTKT3/001

Liên 3: nội bộ

Kí hiệu: AA/14P

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số 0000125

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TM& DV Hải Long.

Mã số thuế: 0200615868

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Số tài khoản: 162146389

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị : Danh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát.

Địa chỉ: Thị trấn Phát Diệm – Kim Sơn – Ninh Bình.

Số tài khoản: 3309201000042 – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Ninh Bình.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-5	Chiếc	1	318.181.818	318.181.818
Cộng tiền hàng: 318.181.818					
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 31.818.182	
Tổng cộng tiền thanh toán:				350.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm năm mươi triệu đồng</i>					

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

*(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Biểu 2.5: Giấy báo có số 30

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: HUONGVLLHAN
Chi nhánh: ACB-PGD HP	Ngày: 20/12/2014	Mã KH: 35042
		Số: 30
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hải Long.		
Mã số thuế: 0200615868		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 162146389		
Số tiền bằng số: 350.000.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm năm mươi triệu đồng</i>		
Nội dung: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát thanh toán tiền mua máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-5.		
Giao dịch viên	Kiểm soát	

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào HĐGTGT số 0000125 như biểu 2.4, giấy báo có số 30 như biểu 2.5, kế toán định khoản:

Nợ TK 112:	350.000.000
Có TK 511:	318.181.818
Có TK 3331:	31.818.182

Ví dụ 3: Ngày 27/12/2014 2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC120-3 cho công ty TNHH TM Trang Mỹ Anh(HĐGTGT như biểu 2.6) với giá bán đã có VAT là 600.000.000 đồng. Công ty TNHH TM Trang Mỹ Anh chưa thanh toán.

Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT số 0000127**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: nội bộ

Kí hiệu: AA/14P

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Số 0000127

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM& DV Hải Long.

Mã số thuế: 0200615868

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị Công ty TNHH TM ĐT Trang Mỹ Anh.

Địa chỉ: 102 Quang Trung- Phan Bội Châu- Hồng Bàng- Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM/CK.

Mã số thuế :0201037578

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy xúc đào bánh xích PC120-3	Chiếc	1	545.454.545	545.454.545
Cộng tiền hàng: 545.454.545					
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 54.545.455	
Tổng cộng tiền thanh toán:					600.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng					

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào HĐGTGT 0000127 như biểu 2.6, kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 600.000.000

Có TK 511: 545.454.545

Có TK 3331: 54.545.455

- Căn cứ vào HDGTGT như biểu 2.2, biểu 2.4, biểu 2.6 và các giấy báo có như biểu 2.3, biểu 2.5, kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào Nhật ký chung như biểu 2.7.

Biểu 2.7: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
02/12	GBC 27 HD GTGT 0000120	02/12	Doanh thu bán máy xúc PC60-7	112	520.000.000	
				511		472.727.273
				3331		47.272.727
...
20/12	GBC 30 HDGTGT 0000125	20/12	Doanh thu bán máy xúc PC60-5	112	350.000.000	
				511		318.181.818
				3331		31.818.182
...
27/12	HD GTGT 0000127	27/12	Doanh thu bán máy xúc PC120 -3	131	600.000.000	
				511		545.454.545
				3331		54.545.455
...
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng Q4/2014	511	4.740.059.000	
				911		4.740.059.000
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Q4/2014	515	369.584	
				911		369.584
...
			Cộng phát sinh cuối quý 4/2014		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kế từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.7, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 như biểu 2.8.

Biểu 2.8: Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
HĐ GTGT 0000120	02/12	Doanh thu bán máy xúc đào bánh xích PC60-7	112		472.727.273
...
HĐ GTGT 0000125	20/12	Doanh thu bán máy xúc đào bánh xích PC60-5	112		318.181.818
...
HĐ GTGT 0000127	27/12	Doanh thu bán máy xúc đào bánh xích PC120 -3	131		545.454.545
...
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4/2014	911	4.740.059.000	
		Cộng phát sinh cuối quý 4		4.740.059.000	4.740.059.000
		Cộng lũy kế từ đầu năm		19.752.436.877	19.752.436.877
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

*** Tài khoản sử dụng**

TK 632- Giá vốn hàng bán

*** Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp đích danh.

Theo phương pháp này, hàng hóa phải được theo dõi theo từng loại hàng và theo dõi từ khâu mua đến khâu bán. Như vậy giá vốn của hàng hóa xuất bán sẽ chính là giá mua của hàng hóa đó.

*** Sổ sách sử dụng.**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết hàng hóa.

*** Nội dung hạch toán giá vốn hàng bán**

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-7 cho Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách (HĐGTGT số 0000120 như biểu 2.2).

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000120 như biểu 2.2 kế toán lập phiếu xuất kho số 20 như biểu 2.9.

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 20

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Số: PX20/12

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Nam Sách.
Theo HĐGTGT số 0000120 ngày 02 tháng 12 năm 2014

Xuất tại: Kho Hải Long.

Nội dung: Bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-7

Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất VLSPHH	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-5		Chiếc	1	1	272.727.273	272.727.273
Cộng						272.727.273

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng.

Ngày 02 tháng 12 năm

2014

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(Ký tên, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Doanh nghiệp tính giá vốn xuất kho theo phương pháp đích danh. Hàng bán ngày 02/12 lấy ở ngày 01/12/2014 theo phiếu nhập kho số 19, dựa vào sổ chi tiết tài khoản 156 như biểu 2.10 biết được giá vốn, kế toán biết đơn giá để viết vào phiếu xuất kho.

- Căn cứ vào HĐGTGT số 0000120 như biểu 2.2, kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 272.727.273

Có TK 156: 272.727.273

Biểu 2.10: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ(sản phẩm, hàng hóa)

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP

Mã số thuế: 0020615868

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản : 156

Tên hàng: Máy xúc đào bánh xích

Quy cách : Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-7

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu tháng								7.500.948.786
PN 19	01/12	Máy xúc đào bánh xích PC60-7	131	272.727.273	1	272.727.273				
...
PX 20	02/12	Máy xúc đào bánh xích PC60-7	632	272.727.273			1	272.727.273		
...
		Cộng phát sinh				1.360.908.000		2.949.401.909		
		Số dư cuối tháng								5.912.454.877

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC 60-5 cho Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát (HĐGTGT như biểu 2.4).

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000125 kế toán lập phiếu xuất số 27 như biểu 2.11.

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 27

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Số: PX27/12

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Phát.

Theo HĐGTGT số 0000125 ngày 20 tháng 12 năm 2014

Xuất tại: Kho Hải Long.

Nội dung: Bán máy xúc PC60-5

Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất VLSPHH	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
Máy xúc PC60-5		Chiếc	1	1	236.363.636	236.363.636
Cộng						236.363.636

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba sáu đồng.

Ngày 20 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

(Ký tên, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Ví dụ 3: Ngày 27/12/2014 2014 doanh nghiệp xuất bán máy xúc đào bánh xích PC120-3 cho công ty TNHH TM Trang Mỹ Anh (HĐGTGT như biểu 2.6).

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000128 kế toán lập phiếu xuất kho số 35 như biểu 2.12.

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 35

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Số: PX35/12

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH TM Trang Mỹ Anh

Theo HĐGTGT số 0000127 ngày 27 tháng 12 năm 2014

Xuất tại: Kho Hải Long.

Nội dung: Bán xe máy đào bánh xích PC120-3.

Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất VLSPHH	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC120-3		Chiếc	1	1	472.443.000	472.443.000
Cộng						472.443.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng.

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(Ký tên, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào các phiếu xuất kho như biểu 2.9, biểu 2.11, biểu 2.12, kế toán ghi vào sổ Nhật kí chung như biểu 2.13.

Biểu 2.13: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
02/12	HĐ GTGT 0000120	02/12	Doanh thu bán máy xúc PC60-7	112 511 3331	520.000.000	472.727.273 47.272.727
02/12	PX 20	20/12	Giá vốn hàng bán HĐ 120	632 156	272.727.273	272.727.273
...
20/12	HĐ GTGT 0000125	20/12	Doanh thu bán máy xúc PC60-5	112 511 3331	350.000.000	318.181.818 31.818.182
20/12	PX 27	20/12	Giá vốn hàng bán HĐ 125	632 156	236.363.636	236.363.636
...
27/12	HĐ GTGT 0000127	27/12	Doanh thu bán máy xúc PC120-3	131 511 3331	600.000.000	545.454.545 54.545.455
27/12	PX 35	27/12	Giá vốn hàng bán HĐ 127	632 156	472.433.000	472.433.000
...
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911 632	4.371.369.130	4.371.369.130
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911 635	235.905.447	235.905.447
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911 641	76.831.409	76.831.409
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911 642	153.622.817	153.622.817
...
			Cộng phát sinh cuối quý 4		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kể từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào Nhật ký chung như biểu 2.13, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 như biểu 2.14.

Biểu 2.14: Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PX20	02/12	Giá vốn hàng bán HD 120	156	272.727.273	
...
PX27	20/12	Giá vốn hàng bán HD GTGT 0000125	156	236.363.636	
...
PX 35	27/12	Giá vốn hàng bán HDGTGT 0000127	156	472.433.000	
...
PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4/2014	911		4.371.369.130
		Cộng số phát sinh Q4/2014		4.371.369.130	4.371.369.130
		Cộng lũy kế từ đầu năm		17.485.476.521	17.485.476.521
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** Chứng từ sử dụng**

- HĐ GTGT
- Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 641: “Chi phí bán hàng”
- TK 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”


*** Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, 642

*** Nội dung hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2014, Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cho Chi nhánh Viettel Hải Phòng bằng tiền mặt theo HĐ 2147097 (như biểu 2.15).

Biểu 2.15:

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số: 01GTKT3/003						
		Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AE/14T		
				Số: 2147097		
TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI						
Số 1 đường Trần hữu Dực, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam						
MST: 0100109106						
Số TK:			Tại ngân hàng:			
Đơn vị thu: CN Viettel Hải Phòng – Tập đoàn Viễn thông Quân đội						
Tên khách hàng :			MST: 0201231818			
Tên đơn vị : Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long						
Địa chỉ : 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.						
Số thuê bao: 989061209			Kỳ cước: từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014			
Số hợp đồng:			Hình thức thanh toán: Tiền mặt			
STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	$3 = 1 \times 2$	$4 = 1+3$
1	Cước chịu thuế	M	2.205.000	10	220.500	2.425.500
2	Cước không chịu thuế	M	0			0
Cộng			2.205.000		220.500	2.425.500
Tổng cộng tiền thanh toán:						2.425.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm mười đồng.						
Người nộp tiền (<i>đã ký</i>)			Ngày 01 tháng 12 năm 2014 Nhân viên giao dịch (<i>đã ký</i>)			

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 2147097 như biểu 2.15, kế toán lập phiếu chi số 14 để trả tiền cho đơn vị bán hàng như biểu 2.16.

Biểu 2.16: Phiếu chi số 14

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số 01- TT

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Quyền : 01

Số : PC14/12

Nợ : 642,133

Có : 1111

Tên người nhận tiền: Nguyễn Thế Phong.

Địa chỉ: CN Viettel Hải Phòng – Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Lý do chi: Trả tiền điện thoại.

Số tiền: 2.425.500

Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nhận tiền

Người lập phiếu

Thủ quỹ

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2014, công ty tính ra lương phải trả cho CBCNV bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Biểu 2.17: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV

Hải Long

Địa chỉ: 117 Văn Cao – NQ - HP

Mẫu số:11-LĐTL

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Năm 2014

Số TT	Ghi Có tài khoản Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các Tài khoản)	TK 334-Phải trả người lao động		TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương thực tế phải trả	Cộng có TK334	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm thất nghiệp	Kinh phí công đoàn	Cộng có TK338 (3382,3383, 3384,3389)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9
1	TK 641	10.129.000	10.129.000	1.823.220	303.870	101.290	202.580	2.430.960	12.559.960
2	TK 642	15.251.000	15.251.000	2.745.180	457.530	152.510	305.020	3.660.240	18.911.240
3	TK 334			2.030.400	380.700	253.800		2.664.900	2.664.900
	Cộng	25.380.000	25.380.000	6.598.800	1.142.100	507.600	507.600	8.756.100	34.136.100

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội như biểu 2.17, kế toán định khoản:

+)
Nợ TK 641: 10.129.000
 Nợ TK 642: 15.251.000
 Có TK 334: 25.380.000
+)
Nợ TK 641: 2.430.960
 Nợ TK 642: 3.660.240
 Nợ TK 334: 2.664.900
 Có TK 338: 8.756.100

Ví dụ 3: Ngày 31/12/2014, công ty trích khấu hao tài sản cố định tháng 12/2014.

Biểu 2.18: Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định**Đơn vị:** Công ty TNHH TM& DV Hải Long**Địa chỉ:** 117 Văn Cao- Đằng Giang- Ngô Quyền - Hải Phòng**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 12 năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao (%) hoặc thời gian sd	Nơi sử dụng		TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Toàn DN			
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước	10%	4.114.491.120	34.287.426	11.429.142	22.858.284
2	Số KH TSCĐ tăng trong tháng					
3	Số KH TSCĐ giảm trong tháng					
4	Số KH trích quý này		4.114.491.120	34.287.426	11.429.142	22.858.284

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH TM& DV Hải Long)

- Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định như biểu 2.18, kế toán định khoản :

Nợ TK 641: 11.429.142

Nợ TK 642: 22.858.284

Có TK 214: 34.287.426

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 2147097, bảng phân bổ tiền lương, bảng tính và phân bổ khấu hao như biểu 2.15, biểu 2.17, biểu 2.18 kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.19.

Biểu 2.19: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: VNĐ

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
01/12	PC14	01/12	Thanh toán tiền điện thoại	642	2.205.000	
				133	220.500	
				111		2.425.500
...
31/12	BL	31/12	Lương phải trả tháng 12 cho CBCNV	641	10.129.000	
				642	15.251.000	
				334		25.380.000
31/12	BL	31/12	Lương phải trả tháng 12 cho CBCNV	641	2.430.960	
				642	3.660.240	
				334	2.664.900	
				338		8.756.100
31/12	BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	641	11.429.142	
				642	22.858.284	
				214		34.287.426
...
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	4.371.369.130	
				632		4.371.369.130
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	235.905.447	
				635		235.905.447
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911	76.831.409	
				641		76.831.409
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911	153.622.817	
				642		153.622.817
...
			Cộng số phát sinh cuối Q 4		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kể từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.19, kế toán ghi vào sổ cái TK 641, TK 642 như biểu 2.20, biểu 2.21.

Biểu 2.20: Sổ cái TK 641

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PC15	02/12	Thanh toán tiền xăng	111	1.778.335	
...
BL	31/12	Lương phải trả CBCNV BP bán hàng tháng 12	334	10.129.000	
BL	31/12	Các khoản trích theo lương CBCNV BP bán hàng tháng 12	338	2.430.960	
BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	11.429.142	
...
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911		76.831.409
		Cộng số phát sinh quý 4		76.831.409	76.831.409
		Cộng lũy kế từ đầu năm		304.325.636	304.325.636
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Biểu 2.21: Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PC14	01/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	2.205.000	
PC15	02/12	Thanh toán tiền xăng	111	1.778.335	
...
BL	31/12	Lương phải trả CBCNV BP QLDN tháng 12	334	15.251.000	
BL	31/12	Các khoản trích theo lương phải trả CBCNV BP QLDN tháng 12	338	3.660.240	
BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	22.858.284	
...
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911		153.622.817
		Cộng số phát sinh quý 4		153.622.817	153.622.817
		Cộng lũy kể từ đầu năm		614.491.268	614.491.268
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

2.2.2.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 1121: Tiền Việt Nam

Trong đó: TK 11211: Tiền Việt Nam tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

*** Nội dung hạch toán**

Ví dụ 1: Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng Á Châu về lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2014 như biểu 2.22.

Biểu 2.22: Giấy báo có số 50

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: HUONGVLLHAN
Chi nhánh: ACB-PGD HP	Ngày: 31/12/2014	Mã KH: 35042
		Số: 50
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hải Long. Mã số thuế: 0200615868		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 162146389		
Số tiền bằng số: 123.195		
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm hai mươi ba nghìn một trăm chín mươi lăm đồng</i>		
Nội dung: Lãi tiền gửi		
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào giấy báo có số 50 như biểu 2.22, kế toán định khoản:
Nợ TK 112: 123.195
Có TK 515: 123.195

Căn cứ vào giấy báo có số 50 như biểu 2.22, kế toán ghi vào nhật ký chung như biểu 2.23.

Biểu 2.23: Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
20/12	HĐ GTGT 0000125 GBC 25	20/12	Doanh thu bán máy xúc đào bánh xích PC60-5	112 511 3331	350.000.000	318.181.818 31.818.182
...
27/12	HĐ GTGT 0000127	27/12	Doanh thu bán máy xúc PC120 -3	131 511 3331	600.000.000	545.454.545 54.545.455
...
31/12	GBC 50	31/12	Nhận lãi ngân hàng ACB	112 515	123.195	123.195
...
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4/2014	511 911	4.740.059.000	4.740.059.000
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2014	515 911	369.584	369.584
...
			Cộng phát sinh cuối Q4/2014		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kế từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Căn cứ vào nhật ký chung như biểu 2.23, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 như biểu 2.24.

Biểu 2.24: Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
GBC 35	31/12	Nhận lãi ngân hàng ACB	112		123.195
...
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2014	911	369.584	
		Cộng số phát sinh Q4/2014		369.584	369.584
		Cộng lũy kế từ đầu năm		1.478.336	1.478.336
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:** TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

*** Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

*** Nội dung hạch toán:**

Ví dụ 1: Ngày 26/12/2014 công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng về việc trả lãi vay ngân hàng với số tiền là 78.635.149 đồng.

Biểu số 2.25: Giấy báo nợ số 30

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO NỢ	Mã GDV: MYDTHAP
Chi nhánh: ACB-PGD Hải Phòng	Ngày: 26/12/2014	Mã KH: 35042
		Số: 30
Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hải Long.		
Mã số thuế: 0200615868		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Nợ: 162146389		
Số tiền bằng số: 78.635.149		
Số tiền bằng chữ: <i>Bảy mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng.</i>		
Nội dung: Lãi tiền vay		
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào giấy báo Nợ số 30 như biểu 2.25, kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 78.635.149

Có TK 112: 78.635.149

Căn cứ vào giấy báo Nợ số 30 như biểu 2.25, kế toán ghi vào Nhật ký chung như biểu 2.26.

Biểu 2.26: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
26/12	GBN 30	26/12	Trả tiền lãi vay NH ACB	635	78.635.149	
				112		78.635.149
...
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	4.371.369.130	
				632		4.371.369.130
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	235.905.447	
				635		235.905.447
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	911	76.831.409	
				641		76.831.409
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911	153.622.817	
				642		153.622.817
...
			Cộng phát sinh cuối Q4/2014		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kế từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

Căn cứ vào Nhật ký chung như biểu 2.26, kế toán ghi vào sổ cái TK 635 như biểu 2.27.

Biểu 2.27: Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
GBN 30	26/12	Trả tiền lãi vay NH ACB	1121	78.635.149	
...
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4/2014	911		235.905.447
		Cộng số phát sinh quý 4		235.905.447	235.905.447
		Cộng lũy kế từ đầu năm		943.621.788	943.621.788
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

2.2.3 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Trong quý 4 năm 2014, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 711 và 811.

2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

- Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, TK 515, kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 40 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu 2.28.

Biểu 2.28: Phiếu kế toán số 40

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Mã số thuế: 0020615868

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 40

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	4.740.059.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	369.584
	Cộng			4.740.428.584

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 40 và phiếu kế toán số 41 như biểu 2.28, 2.29, kế toán ghi vào Nhật ký chung như biểu số 2.30.

Biểu 2.30: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

ĐVT: ĐVN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511	4.740.059.000	
				911		4.740.059.000
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	369.584	
				911		369.584
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	4.371.369.130	
				632		4.371.369.130
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	235.905.447	
				635		235.905.447
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	76.831.409	
				641		76.831.409
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	911	153.622.817	
				642		153.622.817
31/12	PKT 42	31/12	Kết chuyển lỗ quý 4	421	97.300.219	
				911		97.300.219
...
			Cộng phát sinh quý 4		14.295.822.760	14.295.822.760
			Cộng lũy kế từ đầu năm		57.183.291.059	57.183.291.059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511, TK 515, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642 như biểu 2.8, biểu 2.24, biểu 2.14, biểu 2.27, biểu 2.20, biểu 2.21 và sổ cái TK 911 như biểu 2.31.

Biểu 2.31: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4	511		4.740.059.000
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515		369.584
PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	632	4.371.369.130	
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	635	235.905.447	
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4	641	76.831.409	
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4	642	153.622.817	
PKT 42	31/12	Kết chuyển lỗ quý 4	421		97.300.219
...
		Cộng phát sinh quý 4		4.837.728.803	4.837.728.803
		Cộng lũy kế từ đầu năm		19.347.915.210	19.347.915.210
		Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào sổ cái TK 911, kế toán xác định số lỗ quý 4, từ đó lập phiếu kế toán số 42 như biểu 2.32.

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 42**CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG**

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Mã số thuế: 0020615868

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 42**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lỗ quý 4	421	911	97.300.219
	Cộng			97.300.219

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 42 như biểu 2.32, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.30.

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung như biểu 2.30, kế toán ghi vào sổ cái TK 421 như biểu 2.33.

Biểu 2.33: Sổ cái TK 421

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Trích SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		150.659.388	
...
PKT 42	31/12	Kết chuyển lỗ quý 4	421	97.300.219	
		Cộng phát sinh quý 4		97.300.219	
		Cộng lũy kế từ đầu năm		97.300.219	419.734.881
		Số dư cuối năm			171.775.274

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

- Căn cứ vào các sổ cái TK 511 (biểu 2.8), TK515, TK 632,...và sổ cái TK 421 (biểu 2.33) kế toán lập bảng cân đối số phát sinh năm 2014 như biểu 2.34.

Biểu 2.34: Bảng cân đối số phát sinh

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP

Mã số thuế: 0020615868

Mẫu số S06-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2014

Số hiệu TK	Tên tài khoản kế toán	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
TK 421	Lợi nhuận chưa phân phối	150.659.388		97.300.219	419.734.881		171.775.274
...
TK 511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			19.752.436.877	19.752.436.877		
TK 515	Doanh thu hoạt động tài chính			1.478.336	1.478.336		
TK 632	Giá vốn hàng bán			17.485.476.521	17.485.476.521		
TK 635	Chi phí tài chính			943.621.788	943.621.788		
TK 641	Chi phí bán hàng			304.325.636	304.325.636		
TK 642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			614.491.268	614.491.268		
TK 911	Xác định kết quả kinh doanh			19.753.915.210	19.753.915.210		
	Tổng	2.531.267.546	2.531.267.546	57.183.291.059	57.183.291.059	3.981.709.327	3.981.709.327

- Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh như biểu 2.34, kế toán lập báo cáo kết quả kinh doanh như biểu 2.35.

Biểu 2.35: Báo cáo kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH TM&DV HẢI LONG

Mẫu số B02-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – NQ – HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Mã số thuế: 0020615868

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	19.752.436.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	19.752.436.877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	17.485.476.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.266.960.356
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.478.336
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22	VI.30	943.621.788
8. Chi phí bán hàng	24		304.325.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		614.491.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		403.043.328
11. Thu nhập khác	31		
12. Chi phí khác	32		
13. Lợi nhuận khác	40		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		403.043.328
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	80.608.666
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		322.434.662
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của công ty.
- Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Như vậy, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.
- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về hình thức kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

❖ Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

❖ Về hạch toán ban đầu:

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ ký của các bên liên quan tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với số liệu sổ kế toán.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả

kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty cũng còn có những hạn chế cần khắc phục trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về sổ sách sử dụng:

- Công ty chưa lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh nên khó theo dõi được yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ.

- Công ty chưa lập Bảng tổng hợp doanh thu, Bảng tổng hợp giá vốn nên không đối chiếu được giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ: Công ty chưa có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ dẫn tới việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ.

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Khi nhà quản trị muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền kinh tế nước ta với chính sách mở cửa đã thu hút được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tạo ra động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế. Khi mà các mối quan hệ hàng hóa tiền tệ ngày càng mở rộng và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ sản xuất ra những hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng và chất lượng mà còn phải tiêu thụ được những sản phẩm dịch vụ đó một cách nhanh nhất để thu hồi vốn sớm, tạo vòng quay của vốn nhanh nhất để kích thích bản thân các doanh nghiệp và nền kinh tế. Cùng với sự phát triển này, với sự đổi mới sâu sắc của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống Kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý Kinh tế- Tài chính đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của doanh nghiệp nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý quá trình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ doanh thu, chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ hữu hiệu để quản lý chi phí đó là kế toán, mà trong đó kế toán tập hợp doanh thu, chi phí luôn được xác định là quan trọng và trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện kế toán của doanh nghiệp.

Cũng như nhiều doanh nghiệp khác, công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện để đứng vững, tồn tại trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng ngày càng được coi trọng.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Mục đích kinh doanh của các doanh nghiệp là đem lại lợi nhuận tối đa với chi phí thấp nhất. Cho nên người ta không thể hoàn thiện một phương án nào đó với bất kỳ giá nào mà không quan tâm đến tính khả thi và hiệu quả của nó. Vì vậy việc hoàn thiện các nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long cũng phải đảm bảo được mục tiêu này.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn,... phù hợp với đặc

điểm của đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành luật pháp mà còn có một vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Việc tính đúng, tính đủ chi phí còn giúp cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ cho các quyết định quản lý. Do đó, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần được hoàn thiện để làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những hiểu biết còn hạn chế của bản thân, sau đây em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long:

3.4.1. Kiến nghị 1: Hoàn thiện sổ sách kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của các sản phẩm. Từ đó sẽ đưa được ra các quyết định kinh doanh cho từng mặt hàng tức là có thông tin để giúp các nhà

quản lý quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, hay thu hẹp hoặc dừng kinh doanh mặt hàng nào.

Mẫu sổ chi tiết bán hàng như biểu 3.1:

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị :

Mẫu số S35-DN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất đầu sản đầu tư):.....

ThángNăm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211, 5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàytháng năm.....

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000120 như biểu 2.2 và các HĐGTGT khác, kê toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho mặt hàng máy xúc đào bánh xích PC 60-7 như biểu 3.2.

Biểu 3.2:

Công ty TNHH TM&DV Hải Long
Địa chỉ: 117 Văn Cao - Ngô Quyền – HP

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản : 511

Tên hàng: máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-7

Mã hàng: KOMATSU PC60-7

Tháng 12 năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
02/12	HĐGTGT 120	02/12	Bán máy xúc đào bánh xích PC60-7	112	1	472.727.273	472.727.273		
...
05/12	HĐGTGT 122	05/12	Bán máy xúc đào bánh xích PC60-7	112	1	311.760.000	311.760.000		
...
			Cộng số phát sinh			1.170.974.472	1.170.974.472		
			Doanh thu thuần			1.170.974.472	1.170.974.472		
			Giá vốn hàng bán			968.956.741	968.956.741		
			Lãi gộp			202.017.731	202.017.731		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

* Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu 3.3 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng, làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154,631,642,142,242,632)

-Tài khoản:.....

-Tên phân xưởng:.....

-Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

-Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày tháng năm.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 3.4:

Công ty TNHH TM&DV Hải Long

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ: 117 Văn Cao - Ngô Quyền -HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên hàng hóa : Máy xúc đào bánh xích PC60-7

Tháng 12 năm 2014

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 632			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra		
					
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh kỳ					
02/12	PX 20	02/12	Bán máy xúc đào bánh xích PC60-7	156	272.727.273			
...			
05/12	PX 22	05/12	Bán máy xúc đào bánh xích PC60-7	156	236.363.636			
...			
			Cộng số phát sinh		968.956.741			
			Ghi có TK 632	911	968.956.741			
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

- Căn cứ vào các phiếu xuất kho số 20, 22 như biểu 2.9, ..., kế toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho mặt hàng máy xúc đào bánh xích PC 60-7 như biểu 3.4.

(Nguồn: Phòng kế toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long)

3.4.2 Kiến nghị 2: Về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và để đảm bảo quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ.

Em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

Biểu số 3.5:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long

Địa chỉ: 117 Văn Cao – Đằng Giang – Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng ... Năm....

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

3.4.3 Kiến nghị 3: Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng như biểu 3.2 và sổ chi phí sản xuất kinh doanh như biểu 3.4, kế toán biết được lãi gộp ở cuối tháng là $1.170.974.472 - 968.956.741 = 202.017.731$

Trên cơ sở đó công ty nên phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng theo doanh thu thuần để xem kết quả kinh doanh cuối cùng của sản phẩm này ở cuối quý là bao nhiêu.

- Tiêu thức phân bổ: phân bổ theo doanh thu thuần.
- Công thức phân bổ:

$$\text{phân bổ CPBH và CPQLDN cho mặt hàng A} = \frac{\text{Tổng CPBH, QLDN thực tế phát sinh}}{\text{Tổng DTT của tất cả các mặt hàng}} \times \text{DTT của mặt hàng A}$$

Biểu 3.6: Bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CHO TỪNG MẶT HÀNG***Quý 4 năm 2014*

STT	Tên hàng hóa	Doanh thu thuần				Chi phí bán hàng quý 4 phân bổ cho từng mặt hàng	Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 phân bổ cho từng mặt hàng
		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng		
1	Máy xúc đào bánh xích PC60-7	769.531.000	843.571.623	1.170.974.472	2.784.077.095	45.126.984	90.230.473
2	Máy xúc đào bánh xích PC60-5	422.279.360		327.272.727	749.543.087	12.149.311	24.292.297
3	Máy xúc đào bánh xích PC120-3		390.982.273	545.454.545	936.438.818	15.178.696	30.349.489
...
	Cộng	1.191.803.360	1.234.553.896	2.043.701.744	4.740.059.000	76.831.409	153.622.817

Từ bảng phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 cho từng mặt hàng, kế toán biết được kết quả kinh doanh cuối cùng của máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-7 trong quý 4 là: $2.784.077.095 - 2.179.834.475 - 45.126.984 - 90.230.473 = 468.885.163$ (lãi)

Vậy công ty nên mở rộng kinh doanh mặt hàng máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC60-7.

3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán.

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.
- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.
- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.
 - Đối với ban quản lý:
 - Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo
 - Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
 - Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
 - Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính.
 - Đối với bộ phận kế toán tài chính:
 - Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của ban lãnh đạo
 - Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định
 - Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
 - Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của lãnh đạo liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi-lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa....
 - Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.
 - Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, SMART.... Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012**

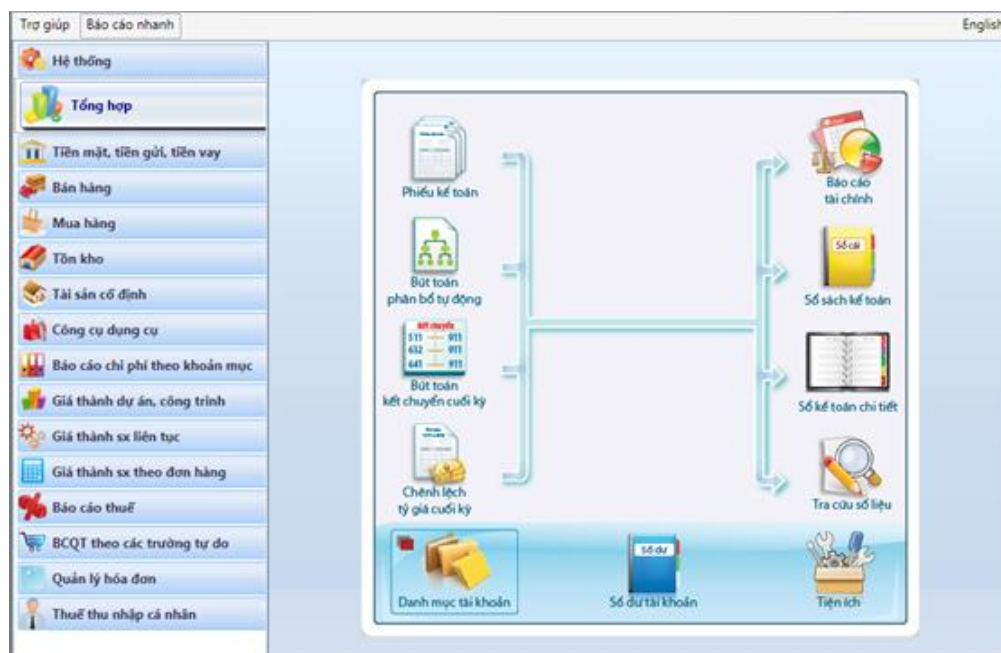


Chức năng:

MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư

156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên..

- **Phần mềm kế toán FAST**



Chức năng:

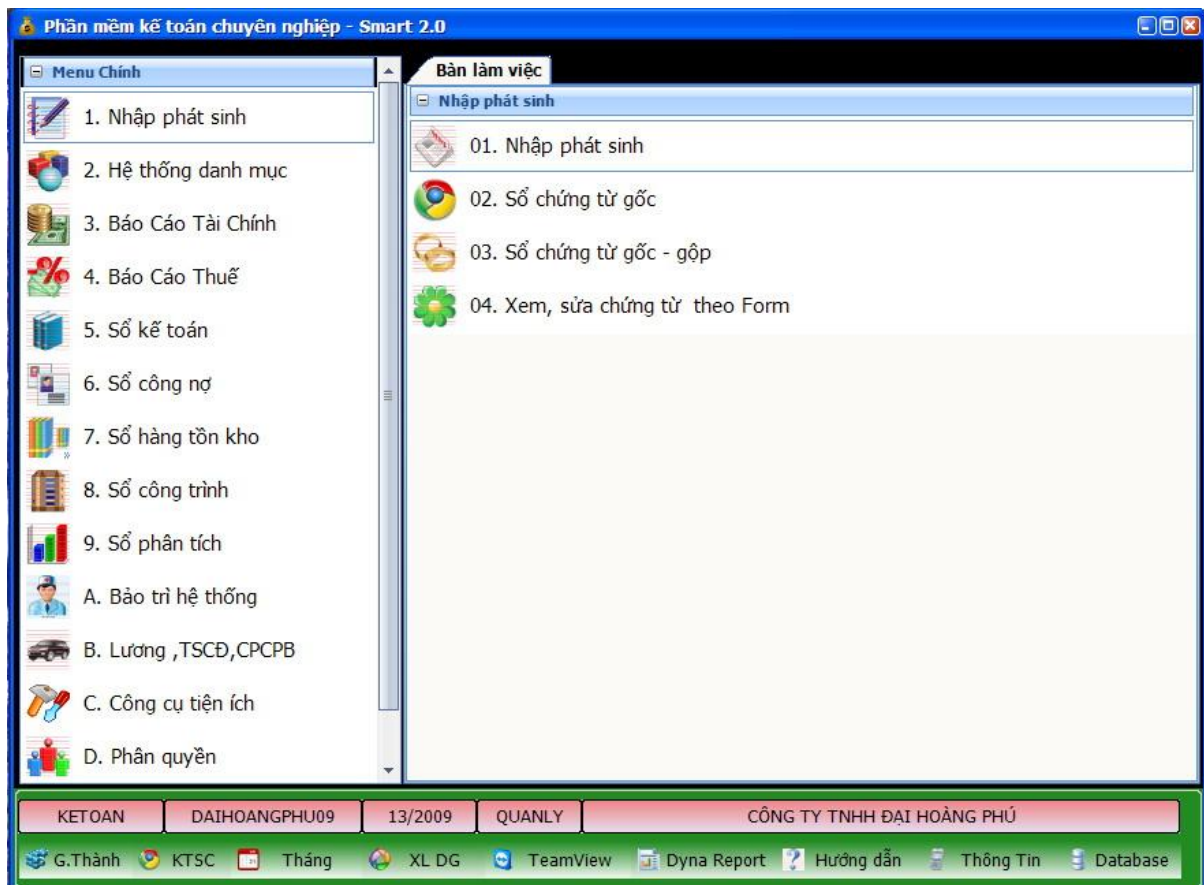
Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

- Hệ thống
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán TSCĐ
- Kế toán CCLĐ
- Báo cáo chi phí theo khoản mục
- Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- Báo cáo thuế
- Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- Quản lý hóa đơn
- Thuế thu nhập cá nhân.

• Phần mềm kế toán SMART

Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây Dựng, Sản Xuất, Thương Mại, Dịch Vụ, Xuất Nhập Khẩu,... Bên cạnh đó phần mềm kế toán SMART còn hỗ trợ đắc lực cho những cá nhân làm dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm kế toán SMART, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.



- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc cho phù hợp với đơn vị. Chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp.
- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính trực tiếp qua HTKK mã vạch (không cần đẩy ra file Excel), theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.
- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.
- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.

- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).

Công cụ quản trị bảng dữ liệu (Bao gồm chức năng In Báo Cáo Nhanh, đẩy dữ liệu ra file Excel đã được căn chỉnh tự động, Access và ngược lại, v.v...), Phân tích dữ liệu mở giống như Subtotal và PivotTable của Excel.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long.

3.5.1. Về phía Nhà nước

Áp lực cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trên thị trường cùng với khả năng còn yếu của doanh nghiệp trong nước đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần phải giải quyết. Đó là làm thế nào để thực hiện tốt các cam kết hội nhập đồng thời khai thác các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Vì mục tiêu chung, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp hay không.

Sau thời gian thực tập em đã tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long và nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Hải Long” đã hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long như:

- Kiến nghị hoàn thiện sổ sách kế toán.
- Kiến nghị về quy trình luân chuyển chứng từ.
- Kiến nghị về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.
- Kiến nghị về việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán.

Do thời gian tiếp xúc với thực tế có hạn, sự hiểu biết về khoa học kế toán còn nhiều hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em mong các thầy, cô giáo và các anh chị cán bộ kế toán của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Long tham gia và đóng góp ý kiến để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các anh chị cán bộ kế toán tài vụ tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hải Long đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Hải Phòng, ngày ... tháng 07 năm 2015

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Khuyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Phan Đức Dũng (2007), *Kế toán đại cương*, NXB Giao Thông Vận Tải.
2. Bộ tài chính (2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài Chính.
3. TS. Phạm Huy Đoán (2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài Chính.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
5. TS. Bùi Văn Dương (Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
6. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội

